

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2022/TLST-DS, ngày 22/7/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXX-ST ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Đ, tên gọi khác là mẹ T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Do có quen biết nhau nên vào ngày 16/12/2019 bà Đ (mẹ T) có vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với thời hạn vay là 22 ngày,

lãi thỏa thuận là 10%/năm, khi vay bà Đ có cam kết rõ ràng và có ký vào giấy vay tiền (giấy vay tiền do bà M viết nhưng có ký nhận của bà Đ) và do bà M giữ; đến thời hạn trả nợ bà M đã đến gặp bà Đ để yêu cầu trả nợ gốc và lãi phát sinh nhưng vẫn không thanh toán cho bà M.

Nay bà M yêu cầu bà Đ phải thanh toán cho bà số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi 20.000.000 đồng (tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà Đ phải thanh toán khoản tiền lãi của 100.000.000 đồng tiền gốc x 10%/năm từ ngày 16/12/2019 cho đến khi vụ án được giải quyết xong nhưng trong quá trình giải quyết, bà M chỉ yêu cầu bà Đ phải trả số tiền lãi là 20.000.000 đồng).

Theo lời trình bày của bị đơn bà Đ trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 16/12/2019 bà Đ có vay của bà Vũ Thị M số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với thời hạn vay là 22 ngày, vay có lãi với mức là 5.000 đồng/1 triệu/ngày, khi vay có bà Đ, ông A và bà M, sau khi giao tiền bà M có viết 01 giấy nhận nợ và đưa cho bà Đ ký và giao cho bà M giữ; mục đích bà Đ vay tiền là vay hộ di của bà Đ là bà H nên sau khi vay được tiền bà Đ đã giao cho bà H.

Nay bà M yêu cầu bà Đ phải thanh toán số tiền 120.000.000 đồng (gốc là 100.000.000 đồng và lãi 20.000.000 đồng), bà Đ đồng ý thanh toán cho bà M nhưng hiện tại kinh tế đang rất khó khăn nên đề nghị bà M cho bà Đ thời gian để trả số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông A. Tuy nhiên, ông A vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M đối với bà Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị M tổng số tiền là 120.000.000 đồng (gốc là 100.000.000 đồng và lãi là 20.000.000 đồng).

Về án phí dân sự: Bà Đ phải chịu số tiền 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị M số tiền 2.875.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị M khởi kiện yêu cầu bà Đ phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và trú tại bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đối với nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ cho người liên quan để có mặt tại phiên tòa nhưng người liên quan vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay và thời hạn trả nợ:

Theo bà M trình bày, ngày 16/12/2019, bà M có cho bà Đ vay số tiền vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 22 ngày tính từ ngày vay, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng, khi vay có viết giấy nhận nợ và có chữ ký của bà Đ.

Bà Đ cũng thừa nhận có vay tiền của bà M số tiền 100.000.000 đồng, với thời hạn vay là 22 ngày nhưng cho rằng vay để cho người khác vay lại, không phải để đáo nợ ngân hàng. Như vậy, giữa bà Vũ Thị M và bà Đ có phát sinh hợp đồng vay tiền (tài sản) và đã quá thời hạn phải thanh toán.

Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phù hợp, việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các bên là có thật, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ bà Đ không thanh toán cho bà M số tiền đã vay là

vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã giao kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông A (chồng bà Đ), bà Đ thừa nhận vay tiền của bà M là để cho người khác vay lại, ký nhận trong giấy vay tiền là do bà Đ tự ký thay và bà M chỉ yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền gốc đã vay và khoản tiền lãi phát sinh nên không buộc ông A phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà M là phù hợp.

2.2. Về khoản tiền lãi phải thanh toán:

Theo nguyên đơn, khi vay các bên thỏa thuận miệng lãi suất 10%/năm, không ghi vào trong hợp đồng vay tiền. Bị đơn cũng thừa nhận vay có lãi (5.000 đồng/1 triệu/ngày) nhưng không ghi vào trong hợp đồng nên cần xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất nhưng không ghi rõ trong hợp đồng. Việc nguyên đơn bà M yêu cầu bà Đ phải chịu lãi suất của số tiền gốc kể từ ngày vay 16/12/2019 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà M chỉ yêu cầu bà Đ phải thanh toán số tiền lãi 20.000.000 đồng nên yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật và cần chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.000.000 đồng (120.000.0000 đồng x 5%).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị M đối với bà Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Đ phải thanh toán cho bà Vũ Thị M tổng số tiền là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), trong đó: số nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đ phải nộp số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị M số tiền 2.875.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000976 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng